TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **624**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/HNST ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 481/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 433/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Lý Thị Cách M
Sinh ngày: 09/11/1987
Số định danh cá nhân: 0801870099xx
Địa chỉ cư trú: D8/4C, Tổ 8, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú: Ấp Rừng Sến, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Phạm Trung T
Sinh ngày: 17/05/1989
Số định danh cá nhân: 0750820058xx
Địa chỉ cư trú: D8/4C, Tổ 8, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú: 100/2I B, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268/2010 quyển số 01/2010 ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 06 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trương Lý Thị Cách M đều trình bày:

Bà và ông Trực chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010, Giấy chứng nhận kết hôn số 268/2010, quyển số 01/2010 do UBND xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 28/10/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trực.

Về con chung và cấp dưỡng: Có 01 (một) con chung là trẻ Phạm Khôi Ng, sinh ngày 02/3/2011. Bà Trương Lý Thị Cách M đồng ý theo nguyện vọng của trẻ là để ông Phạm Trung T nuôi con và không cấp dưỡng.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Trương Lý Thị Cách M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Phạm Trung T cư trú tại D8/4C, Tổ 8, Ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268/2010, quyển số 01/2010 ngày 28 tháng 10 năm 2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng bị đơn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, còn nguyên đơn có Đơn xin không tiến hành hòa giải đề ngày 30 tháng 10 năm 2024 thể hiện nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[5] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Phạm Khôi Ng, sinh ngày

02/3/2011.

[7] Về nuôi con: Tại Biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 09/10/2024, trẻ Phạm Khôi Ng có nguyện vọng ở với cha là ông Phạm Trung T.

[8] Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao con chung là Phạm Khôi Ng, sinh ngày 02/3/2011, giới tính: Nam, cho nguyên đơn là ông Phạm Trung T trực tiếp nuôi dưỡng.

[9] Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trương Lý Thị Cách M

[10] Về tài sản chung: Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

[11] Về nợ chung: Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

[12] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Lý Thị Cách M:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Lý Thị Cách M được ly hôn với ông Phạm Trung T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Phạm Khôi Ng, sinh ngày 02/3/2011. Giao trẻ Phạm Khôi Ng cho ông Phạm Trung T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trương Lý Thị Cách M.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc

mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

[14] Về tài sản chung: Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

[15] Về nợ chung: Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Lý Thị Cách M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005872 ngày 13 tháng 08 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Lý Thị Cách M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Lý Thị Cách M và Ông Phạm Trung T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

2 000014 863200

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Nga **Nguyễn Thị Nguyên** **Nguyễn Gia Nam**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Gia Nam